



CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO
Số 51 Vũ Trọng Phụng, Thanh xuân, Hà nội
Điện thoại: 04 8585684 Fax : 04 8585563
Email: hacisco@has.vn

Số: 1910 /KT - HAS

V/v: -Giải trình báo cáo tài chính Quý I/2012

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

Hà nội, ngày 19 tháng 10 năm 2012

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Theo báo cáo tài chính quý III của Công ty cổ phần HACISCO, doanh thu trong quý III/2012 của công ty đạt 28,532 tỷ đồng, tăng so với Quý III/2011 là 8,471 tỷ đồng tương ứng tăng 336,41%.

Lợi nhuận sau thuế quý III/2012 đạt 1.546 triệu đồng, tăng 1546% so với cùng kỳ năm trước.

Công ty cổ phần HACISCO xin giải trình về việc Doanh thu Quý II/2012 tăng và Lợi nhuận tăng so với quý III/2011 cụ thể gồm các nguyên nhân sau:

Trong quý III năm 2012, Công ty có bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh là lĩnh vực thương mại nên tăng doanh thu tăng 20,061 tỷ đồng so với quý III/2011.

Doanh thu hoạt động tài chính Quý III/2012 của Công ty đạt 600 triệu đồng giảm 23.71% so với quý III/2011.

Thu nhập khác Quý III/2012 đạt 2.622 triệu đồng tăng hơn 2 tỷ so với cùng kỳ năm trước

Vì các lý do trên nên Doanh thu của công ty tăng so với quý III/2011 và lợi nhuận sau thuế tăng 1.447 triệu đồng tương ứng 1546% so với cùng kỳ năm trước. Vậy Công ty cổ phần HACISCO báo cáo để Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng cảm ơn.!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu KT.

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dinh Tiến Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO
51 VŨ TRỌNG PHỤNG - THANH XUÂN - HÀ NỘI

-----oOo-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 - 2012

Năm 2012



Địa chỉ: 51 - VŨ TRỌNG PHỤNG - THANH XUÂN - HÀ NỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Quý III năm 2012

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối quý
1	2	3	3	4
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		181 784 161 703	176 841 528 414
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		37 167 844 156	9 812 945 832
1. Tiền	111	V.01	2 167 844 156	1 712 945 832
2. Các khoản tương đương tiền	112		35 000 000 000	8 100 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	2 231 946 200	19 999 123 493
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7 408 363 012	25 208 363 012
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(5 176 416 812)	(5 209 239 519)
III. Các khoản phải thu	130		130 863 582 641	136 083 930 925
1. Phải thu của khách hàng	131		62 929 178 163	67 494 614 290
2. Trả trước cho người bán	132		3 890 421 991	4 708 679 606
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	70 762 011 460	70 598 666 002
6. Dự phòng các khoản thu khó đòi	139		(6 718 028 973)	(6 718 028 973)
IV. Hàng tồn kho	140		9 595 534 690	8 144 419 315
1. Hàng tồn kho	141	V.04	9 603 958 390	8 152 843 015
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8 423 700)	(8 423 700)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1 925 254 016	2 801 108 849
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	75 308 833
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1 925 254 016	2 725 800 016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		32 997 873 942	32 455 747 977
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối quý
1	2	3	3	4
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		12 555 799 908	12 250 771 326
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4 971 532 602	5 696 521 398
- Nguyên giá	222		11 605 720 137	11 962 941 701
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6 634 187 535)	(6 266 420 303)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	7 444 451 423	6 414 434 045
- Nguyên giá	228		9 351 496 735	8 334 506 918
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1 907 045 312)	(1 920 072 873)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	139 815 883	139 815 883
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	11 396 506 811	11 206 229 675
- Nguyên giá	241		12 685 142 283	12 685 142 283
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1 288 635 472)	(1 478 912 608)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8 316 185 110	8 316 185 110
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2.1 Đầu tư vào công ty liên doanh				
2.2 Đầu tư vào công ty liên kết				
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	8 316 185 110	8 316 185 110
4. Dự phòng giảm giá Đ.tư TC dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		729 382 113	682 561 866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	189 382 113	142 561 866
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		540 000 000	540 000 000
TỔNG CÔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		214 782 035 645	209 297 276 391
NGUỒN VỐN			-	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		68 209 347 873	58 155 882 049
I. Nợ ngắn hạn	310		66 347 997 899	57 061 752 443
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	176 000 000	176 000 000
2. Phải trả cho người bán	312		13 566 712 970	13 171 962 213
3. Người mua trả tiền trước	313		3 007 250 461	4 365 039 231
4. Thuế & các khoản phải nộp NN	314	V.16	4 800 403 095	1 341 924 727
5. Phải trả công nhân viên	315		24 433 190 937	17 638 902 318
6. Chi phí phải trả	316	V.17	13 524 814 687	13 879 710 639
7. Phải trả nội bộ	317		-	-

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối quý
1	2	3	3	4
8. Phải trả theo tiến độ KH Hợp đồng xây dựng	3171		-	-
9. Các khoản phải trả & phải nộp khác	318		6 022 482 921	6 188 020 314
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	319		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	3191		817 142 828	300 193 001
12. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	3192			
13. Doanh thu chưa thực hiện	3193			
II. Nợ dài hạn	330		1 861 349 974	1 094 129 606
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		378 801 059	378 801 059
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		561 219 048	564 783 093
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		921 329 867	150 545 454
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		146 572 687 772	151 141 394 342
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	146 572 687 772	151 141 394 342
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80 000 000 000	80 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		57 131 343 889	57 131 343 889
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2 511 165 126)	(2 511 165 126)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7 962 734 509	7 962 734 509
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3 140 058 654	3 140 058 654
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		849 715 846	5 418 422 416
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		214 782 035 645	209 297 276 391

Lập, ngày 19 tháng 10 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đồng Thị Hàng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thu Nhân



Dinh Tiên Vinh

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 - VŨ TRỌNG PHỤNG - THANH XUÂN - HÀ NỘI

Mẫu số B 02a - DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC)*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Quý III năm 2012

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III - 2012		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	28 532 084 397	8 471 294 227	115 920 221 944	17 821 855 467
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về hàng bán và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		28 532 084 397	8 471 294 227	115 920 221 944	17 821 855 467
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	27 501 209 469	6 406 801 999	110 781 596 231	14 139 876 221
5. Lợi nhuận gộp về hàng bán và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1 030 874 928	2 064 492 228	5 138 625 713	3 681 979 246
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	706 008 717	1 350 973 346	2 757 443 041	3 241 041 597
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	600 029 484	786 486 129	609 861 524	3 607 971 328
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		0			0
8. Chi phí bán hàng	24		0		0	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1 470 995 852	2 497 004 388	4 907 921 436	6 437 365 327

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III - 2012		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30=20+(21-22)-(24+25)	30		-334 141 691	131 975 057	2 378 285 794	-3 122 315 812
11. Thu nhập khác	31		2 622 876 136	2 865	5 056 637 318	21 867 248 145
12. Chi phí khác	32		91 311 055	534 163	1 127 008 205	9 773 037 297
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2 531 565 081	-531 298	3 929 629 113	12 094 210 848
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2 197 423 390	131 443 759	6 307 914 907	8 971 895 036
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	651 285 455	32 860 940	1 678 908 334	3 363 226 022
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51-52)	60		1 546 137 935	98 582 819	4 629 006 573	5 608 669 014
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		193	12	579	701

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đồng Thị Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thu Nhân

TỔNG GIÁM ĐỐC




Đinh Tiến Vĩnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

TỪ NGÀY: 01/01/2012 ĐẾN NGÀY: 30/09/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	206 390 748 080	18 529 049 096
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-137 584 500 522	-17 929 804 544
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-3 640 058 531	-1 812 545 363
4. Tiền chi trả lãi vay	04	- 113 393 379	- 38 718 382
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-2 669 036 901	-1 329 845 810
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	40 389 108 784	10 759 521 111
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-132 422 045 573	- 931 686 410
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-29 649 178 042	7 245 969 698
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	- 89 961 831	- 83 227 280
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		28 054 600 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-38 834 984 640
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2 444 541 549	1 553 398 140
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2 354 579 718	-9 310 213 780
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	- 60 300 000	- 32 950 000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	- 60 300 000	- 32 950 000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	-27 354 898 324	-2 097 194 082
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37 167 844 156	24 725 603 475
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	9 812 945 832	33 428 409 393

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đồng Thị Hằng



Trần Thị Thu Nhân



Dinh Tiến Vĩnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Quý III - Năm 2012***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội (tên viết tắt là HACISCO) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 950/QĐ-TCCB ngày 13 tháng 10 năm 2000 do Tổng Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện (nay là Bộ Bưu chính Viễn thông) ký. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000234 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 51 Vũ Trọng Phụng - Thanh Xuân - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 80.000.000.000 VND

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
XN Xây lắp Bưu chính Viễn thông số 1	51 Vũ Trọng Phụng Thanh Xuân - Hà Nội	Tư vấn thiết kế, xây lắp
XN Xây lắp Bưu chính Viễn thông số 2	Như trên	Tư vấn thiết kế, xây lắp
XN Xây lắp Bưu chính Viễn thông số 4	Như trên	Tư vấn thiết kế, xây lắp
XN Xây lắp Bưu chính Viễn thông số 5	Như trên	Tư vấn thiết kế, xây lắp
XN Xây lắp Bưu chính Viễn thông phía Nam	Lô H30 đường số 1 KCN Lê Minh Xuân Bình Chánh - TPHCM	Tư vấn thiết kế, xây lắp
XN Thiết kế	Như trên	Tư vấn thiết kế, xây lắp
Văn phòng Công ty	Như trên	Tư vấn thiết kế, xây lắp

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn, thiết kế thi công các công trình xây lắp Bưu chính - Viễn thông;
- Tư vấn thiết kế, thi công các công trình xây lắp cơ điện lạnh;
- Tư vấn thiết kế, thi công các công trình xây lắp dân dụng và giao thông;
- Sản xuất vật tư, vật liệu phục vụ các công trình trên;
- Xây lắp các công trình về phát thanh - truyền hình;
- Buôn bán vật tư, thiết bị ngành bưu chính - viễn thông, phát thanh - truyền hình, cơ điện lạnh, giao thông;
- Buôn bán xăng dầu;
- Kinh doanh nhà;
- Tư vấn khảo sát, giám sát, thẩm định, lập dự án, dự toán công trình bưu chính viễn thông;
- Quản lý, giám sát các công trình xây dựng trong các lĩnh vực dân dụng, công nghiệp và thông tin;
- Duy tu, bảo dưỡng các loại tổng đài điện thoại, các thiết bị thông tin liên lạc, các mạng cáp đồng, cáp quang nội tỉnh và liên tỉnh;
- Xây dựng các công trình công nghiệp;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, mặt bằng;
- Thi công các công trình xây lắp Bưu chính - Viễn thông;
- Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải các ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y), giao thông vận tải, thủy lợi, xây dựng, bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;

- Sản xuất và buôn bán hàng tiêu dùng: ô tô, xe máy;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo Tài chính

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi Ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc dựa trên ước tính khả năng không thể thu hồi.

Tại thời điểm 31/12/2011 việc trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ tồn đọng lâu ngày chưa được thực hiện một cách đầy đủ vì đây là khoản công nợ nội bộ phải thu khó đòi tồn tại (cụ thể đây là khoản công nợ tồn tại trước tháng 9 năm 2010 do đơn vị thay đổi Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Thời điểm bàn giao người đại diện theo pháp luật không có đủ biên bản đối chiếu công nợ. Hiện tại đơn vị đang tích cực phân tích khoản công nợ nội bộ này). Kế hoạch công ty sẽ trích lập dần trong các năm tài chính tiếp theo để phù hợp với kết quả kinh doanh của công ty, cụ thể năm 2011 công ty đã trích 4.137.453.760 đồng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Nguyên vật liệu tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ được hạch toán theo phương pháp đích danh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm được xác định cho từng công trình, hạng mục công trình (CT, HMCT) như sau:

* Đối với các công trình không có khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ thì:

$$\begin{array}{ccccc} \text{CPSXKD dở dang} & & \text{CPSXKD dở dang} & & \text{CPSXKD dở dang} \\ \text{cuối kỳ từng} & = & \text{đầu kỳ từng} & + & \text{phát sinh trong kỳ từng} \\ \text{CT, HMCT} & & \text{CT, HMCT} & & \text{CT, HMCT} \end{array}$$

* Đối với các công trình, hạng mục công trình có ghi nhận doanh thu:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{CPSXKD dở dang} & & \text{CPSXKD dở dang} & & \text{CP SXKD} & & \text{Giá thành} \\ \text{cuối kỳ từng} & = & \text{đầu kỳ từng} & + & \text{phát sinh trong kỳ} & - & \text{định mức từng} \\ \text{CT, HMCT} & & \text{CT, HMCT} & & \text{từng CT, HMCT} & & \text{CT, HMCT} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Doanh thu} & & \text{Thu nhập chịu thuế} \\ \text{định mức} & = & \text{tạm tính} & - & \text{tính trước} \\ \text{CT, HMCT} & & \text{từng CT, HMCT} & & \text{từng CT, HMCT} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Khoản trích trước chi phí các công trình là khoản phải trả cho các Xí nghiệp và các đội thi công theo chi phí tạm tính của các công trình, hạng mục công trình (CT, HMCT) đã có xác nhận khối lượng xây lắp hoàn thành, quyết toán A-B nhưng chưa được chủ đầu tư phê duyệt. Số liệu để hạch toán doanh thu theo số liệu chưa được phê duyệt trên, do đó Công ty đang tạm trích chi phí như sau:

CP trích trước	Giá trị KL	Thu nhập chịu thuế	Các khoản CP có đủ
của từng CT	= hoàn thành	- tính trước của từng	- chứng từ gốc đã tập
HMCT	từng CT, HMCT	CT, HMCT	hợp được từng CT, HMCT

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi đơn vị được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu

Căn cứ để hạch toán doanh thu là Quyết toán A-B đối với các công trình hoàn thành nghiệm thu hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài. Giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình/nghiệm thu giai đoạn (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty ước tính được hưởng. Giá trị này không bao gồm các khoản vật liệu do chủ đầu tư cấp và các chi phí kiến thiết cơ bản khác do chủ đầu tư thực hiện.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong năm nhận được Phiếu duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Chi phí

Đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Ghi nhận Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	30/09/2012
	VND	VND
Tiền mặt	415 585 283	552 572 026
Tiền gửi ngân hàng	1 752 258 873	1 160 373 806
Tiền đang chuyển	35 000 000 000	8 100 000 000
Các khoản tương đương tiền	0	0
Cộng	37 167 844 156	9 812 945 832

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	30/09/2012
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	7 408 363 012	25 208 363 012
Đầu tư ngắn hạn khác - TG có kỳ hạn 1 năm trở xuống	0	0
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-5 176 416 812	-5 209 239 519
Cộng	2 231 946 200	19 999 123 493

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và tình hình trích lập dự phòng (Xem tại **Phụ lục 1**).

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	30/09/2012
	VND	VND
Phải thu các đội thi công tiền ứng để thực hiện công trình	69 027 306 702	69 130 172 052
Phải thu khác	1 734 704 758	1 468 493 950
Cộng	70 762 011 460	70 598 666 002

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	30/09/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	56 800 227	56 800 227
Công cụ, dụng cụ	29 677 922	29 677 922
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9 517 480 241	8 066 364 866
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-8 423 700	-8 423 700
Cộng	9 595 534 690	8 144 419 315

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 0

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

31/12/2011 30/09/2012

	VND	VND
Tạm ứng	1 925 254 016	2 725 800 016
Cộng	1 925 254 016	2 725 800 016

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Phụ lục 2)

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Phụ lục 3)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	30/09/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	139 815 883	139 815 883
Vật tư thu hồi từ công trình cũ	58 553 231	58 553 231
CP chung điều tra XH hóa khu chung cư Thành Công	81 262 652	81 262 652
Sửa chữa lớn tài sản cố định	0	0
Cộng	139 815 883	139 815 883

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đây là một phần tòa nhà Chung cư Láng Trung dùng làm Văn phòng cho thuê (tầng 1,2,3)

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	30/09/2012
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	1 316 185 110	1 316 185 110
Đầu tư dài hạn khác	7 000 000 000	7 000 000 000
Cộng	8 316 185 110	8 316 185 110

Trong đó:

a. Đầu tư cổ phiếu

	Đầu năm		Cuối quý	
	SL	Giá trị	SL	Giá trị
CP Công ty CP Thiết kế Bưu điện	20 000	250 375 110	20 000	250 375 110
CP Công ty CP XL Bưu điện Cần Thơ	15 000	156 450 000	15 000	156 450 000
CP Công ty CP Niên giám điện thoại những trang vàng	15 000	188 400 000	15 000	188 400 000
CP Công ty CP XL Bưu điện Hải Phòng	13 560	139 600 000	13 560	139 600 000
CP Công ty CP Nhựa Sam Phú	8 136	81 360 000	8 136	81 360 000
CP Công ty CP TM và Du lịch Hà Tĩnh	50 000	500 000 000	50 000	500 000 000
Cộng		1 316 185 110		1 316 185 110

Đây là các cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và cũng chưa được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom). Tại thời điểm 31/12/2010 do không đủ cơ sở để xác định được giá thị trường của các chứng khoán này nên không tiến hành trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

b. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư dài hạn khác là đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện. Thông tin về khoản đầu tư này như sau:

Tên đơn vị nhận vốn góp:	Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện
Địa điểm:	Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh chính:	Kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế.
Vốn điều lệ của Công ty:	70.000.000.000 VND
Vốn đầu tư của Hacisco:	7.000.000.000 VND
Tỷ lệ vốn góp của Hacisco:	10%

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2011	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	180 865 766	142 561 866
Số tăng trong năm	155 371 910	
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	146 855 563	
Giảm khác		0
Số dư cuối kỳ	189 382 113	142 561 866
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:	31/12/2011	30/09/2012
	VND	VND
Chi phí sửa chữa nhà	148 251 803	131 432 369
Chi phí sửa chữa, thay thế xe ô tô	23 619 546	
Giá trị CCDC chờ phân bổ	17 510 764	11 129 497
Quyền sử dụng đất	0	0
Cộng	189 382 113	142 561 866

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	30/09/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	176 000 000	176 000 000
- Vay ngân hàng	0	0
- Vay đối tượng khác (CBCNV)	176 000 000	176 000 000
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	
Cộng	176 000 000	176 000 000

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	30/09/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2 653 845 431	313 061 674
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2 017 751 446	1 027 622 879
Thuế thu nhập cá nhân	128 806 218	1 240 174
Cộng	4 800 403 095	1 341 924 727

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	30/09/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình:		
Chi phí Nguyên vật liệu	7 957 799 863	7 919 170 014
Chi phí khác	4 975 174 543	5 459 609 435
Công trình nhà Chung cư Láng Trung	46 385 735	46 385 735
Chi phí tư vấn luật (bán đất Hà Tây)	545 454 546	454 545 455
Cộng	13 524 814 687	13 879 710 639

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	30/09/2012
	VND	VND
Cổ tức lợi nhuận phải trả	51 723 770	0
Kinh phí công đoàn	174 699 776	120 318 972
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	0	0
Chi phí công trình chưa trả các đội thi công	2 789 427 944	3 064 907 076
Các khoản phải trả phải nộp khác	3 006 631 431	3 002 794 266
Cộng	6 022 482 921	6 188 020 314

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đầu năm	Cuối quý
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	80 000 000 000	80 000 000 000
- Vốn góp tăng trong năm	0	0
- Vốn góp giảm trong năm	0	0
- Vốn góp cuối năm	80 000 000 000	80 000 000 000
Thặng dư vốn cổ phần	57 131 343 889	57 131 343 889
Cổ phiếu quỹ	-2 511 165 126	-2 511 165 126
Cộng	134 620 178 763	134 620 178 763

b. Cổ phiếu

	Đầu năm	Cuối quý
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8 000 000	8 000 000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8 000 000	8 000 000
- Cổ phiếu phổ thông	8 000 000	8 000 000
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	200 000	200 000
- Cổ phiếu phổ thông	200 000	200 000
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7 800 000	7 800 000
- Cổ phiếu phổ thông	7 800 000	7 800 000
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10 000	10 000

c. Các quỹ của Công ty

	31/12/2011	30.09.2012
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	7 962 734 509	7 962 734 509
- Quỹ dự phòng tài chính	3 140 058 654	3 140 058 654
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty:

Quỹ Đầu tư Phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ Dự phòng Tài chính được dùng để: Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	30.09.2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2 729 130 010	22 212 230 400
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8 749 903 138	1 283 285 236
- Tư vấn thiết kế	306 426 100	741 498
- Cho thuê văn phòng, đất và dịch vụ đi kèm	8 443 477 038	1 282 543 738
Doanh thu hợp đồng xây dựng	46 262 630 601	5 036 568 761
- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	46 262 630 601	5 036 568 761
Doanh thu khác	0	0
Cộng	57 741 663 749	28 532 084 397

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	30.09.2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	3 520 207 502	21 434 841 818
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3 981 995 103	918 221 607
- Tư vấn thiết kế	473 596 877	270 000
- Cho thuê văn phòng, đất và dịch vụ đi kèm	3 508 398 226	917 951 607
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-23 330 460	
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	46 042 631 606	5 148 146 044
Cộng	53 521 503 751	27 501 209 469

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đầu năm	Cuối quý
	VND	VND
Cộng	4 795 951 851	706 008 717

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đầu năm	Cuối quý
	VND	VND
Cộng	5 055 005 662	600 029 484

23 . THU NHẬP KHÁC

	Đầu năm	Cuối quý
	VND	VND
Cộng	24 638 897 021	2 622 876 136

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011	30/09/2012
	VND	VND
Cộng	<u>11 123 681 423</u>	<u>91 311 055</u>

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	30.09.2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN. Trong đó:	4 434 617 291	2 271 000 127
<i>Hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	-11 236 388 492	-334 141 691
<i>Hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>	15 671 005 783	2 605 141 818
Thu nhập chịu thuế TNDN	15 671 005 783	2 605 141 818
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>3 917 751 446</u>	<u>651 285 455</u>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	0	0
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2 029 845 810	2 545 374 325
Thuế TNDN đã nộp trong năm	3 929 845 810	2 169 036 901
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>2 017 751 446</u>	<u>1 027 622 879</u>

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2011	Cuối quý
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	516 865 845	1 546 137 935
Các khoản điều chỉnh:	0	0
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	516 865 845	1 546 137 935
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7 800 000	7 800 000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>65</u>	<u>198</u>

27 . THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính không có vấn đề bất thường nào xảy ra có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục. Do đó báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần HACISCO được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.



Đinh Tiến Vịnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2012

Trần Thị Thu Nhận
Kế toán trưởng

Đông Thị Hằng
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUI III-2012

Phụ lục 1: Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và tình hình trích lập dự phòng

STT	Mã CK	Tên đơn vị	Giá trị trên sổ sách						Tình hình trích lập dự phòng		Giá thị trường				
			Tại 01/01/2012			Tại 28/09/2012			Tại 01/01/2012	Tại 28/09/2012	Tại 31/12/2011			Tại 28/9/2012	
			SL	Giá trị	Đơn giá	SL	Giá trị	Đơn giá			SL	Giá trị	Đơn giá	SL	Giá trị
1	ATA	CP Công ty Cổ phần NTACO	169 200	4 011 843 998	23 711	169 200	4 011 843 998	23 711	-2 945 883 997	-3 132 003 998	169 200	1 065 960 000	6 300	169 200	879 840 000
2	ITC	CP Công ty CP Đầu tư - Kinh doanh nhà	21 000	548 435 787	26 116	21 000	548 435 787	26 116	-395 135 787	-403 535 787	21 000	153 300 000	7 300	21 000	144 900 000
3	HDC	CP Công ty CP Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	6 000	207 959 975	34 660	6 900	207 959 975	30 139	-103 559 975	-102 389 975	6 000	104 400 000	17 400	6 900	105 570 000
4	ITA	CP Công ty CP ĐT và CN Tân	8 000	145 351 380	18 169	10 400	145 351 380	13 976	-77 751 380	-98 551 380	10 400	67 600 000	6 500	10 400	46 800 000
5	DRC	CP Công ty CP Cao su Đà Nẵng	10 500	327 498 493	31 190	15 750	327 498 493	20 794	-147 948 493		10 500	179 550 000	17 100	15 750	389 025 000
6	TH1	CP Công ty CP XNK Tổng hợp 1 VN	9 000	417 351 899	46 372	9 000	417 351 899	46 372	-222 951 899	-185 151 899	9 000	194 400 000	21 600	9 000	232 200 000
7	HAG	CP Công ty CP Hoàng Anh Gia	6 800	342 691 872	50 396	7 820	342 691 872	43 822	-190 201 872	-183 163 872	7 820	152 490 000	19 500	7 820	159 528 000
8	DC2		13 200	267 755 663	20 285	13 200	267 755 663	20 285	-185 915 663	-184 595 663	13 200	81 840 000	6 200	13 200	83 160 000
9	VHG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn	13 000	249 382 673	19 183	13 000	249 382 673	19 183	-198 682 673	-219 482 673	13 000	50 700 000	3 900	13 000	29 900 000
10	S99	Công ty CP sông đà 9.09	5 000	95 953 667	19 191	6 250	95 953 667	15 353	-70 453 667	-71 578 667	5 000	25 500 000	5 100	6 250	24 375 000
11	ALP	CP Công ty CP Alphanam	6 000	94 093 403	15 682	6 000	94 093 403	15 682	-49 093 403	-51 493 403	6 000	45 000 000	7 500	6 000	42 600 000
12	CTG	CP NHTM CP Công thương VN	6	153 134	25 522	7	153 134	21 876	-29 234	-29 934	7	123 900	17 700	7	123 200
13	DHC	CP Công ty CP Đông Hải Bến Tre	4 000	59 704 820	14 926	4 000	59 704 820	14 926	-32 504 820	-35 304 820	4 000	27 200 000	6 800	4 000	24 400 000
14	TTF	CP Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	4 200	77 788 199	18 521	5 040	77 788 199	15 434	-54 588 199	-75 772 199	4 200	24 360 000	5 800	5 040	2 016 000
15	NSP	Công ty CP nhựa Sam Phú	60 000	560 000 000	9 333	60 000	560 000 000	9 333	-464 000 000	-464 000 000	60 000	120 000 000	2 000	60 000	96 000 000
16	VTC	CP Công ty CP Viễn thông VTC	76	2 398 049	31 553	76	2 398 049	31 553	-2 208 049	-2 185 249	76	190 000	2 500	76	212 800
		Tổng cộng		7 408 363 012		347 643	7 408 363 012		-5 140 909 111	-5 209 239 519		2 292 613 900			2 260 650 000

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUI III - 2012

Phụ lục 2: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	6 745 816 710	879 980 436	3 417 009 300	296 656 516		11 339 462 962
<i>Mua sắm mới, nâng cấp, sửa chữa</i>	821 403 831	530 000 000				1 351 403 831
<i>Thanh lý, nhượng bán, khác</i>	(727 925 092)					(727 925 092)
Số cuối năm	6 839 295 449	1 409 980 436	3 417 009 300	296 656 516	-	11 962 941 701
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	4 007 756 296	858 438 938	1 658 105 101	208 070 835	-	6 732 371 170
Tăng trong năm						-
<i>Khấu hao trong năm</i>	148 531 622	11 265 470	88 854 460	13 322 944		261 974 495
<i>Tăng khác (ghi cụ thể)</i>						-
Giảm trong năm	(727 925 092)	-	-	-	-	(727 925 092)
<i>Chuyển sang bất động sản đầu tư</i>						-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(727 925 092)					(727 925 092)
Số cuối năm	3 428 362 826	869 704 408	1 746 959 561	221 393 779	-	6 266 420 573
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2 738 060 414	21 541 498	1 758 904 199	88 585 681	-	4 607 091 792
Số cuối năm	3 410 932 623	540 276 028	1 670 049 739	75 262 737	-	5 696 521 128

CÔNG TY CỔ PHẦN HACISCO

Địa chỉ: 51 Phố Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUI III - 2012

Phụ lục 3: Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Chuyển giao công nghệ Sản xuất	Trang web	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7 790 504 686	202 000 000	289 902 232	12 100 000	8 294 506 918
Tăng trong năm	-	40 000 000	-	-	40 000 000
<i>Mua sắm mới, nâng cấp, sửa chữa</i>					-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>					-
Số cuối năm	7 790 504 686	242 000 000	289 902 232	12 100 000	8 334 506 918
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1 597 963 575	118 129 629	122 772 996	9 831 250	1 848 697 450
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>43 918 731</i>	<i>17 657 407</i>	<i>9 043 038</i>	<i>756 250</i>	<i>71 375 426</i>
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>					-
Số cuối năm	1 641 882 306	135 787 036	131 816 034	10 587 500	1 920 072 876
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6 192 541 111	83 870 371	167 129 236	2 268 750	6 445 809 468
Số cuối năm	6 148 622 380	106 212 964	158 086 198	1 512 500	6 414 434 042